

Phụ lục
Kết quả thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao tháng 6 năm 2026
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-VPUBND ngày tháng 7 năm 2026 của Văn phòng UBND tỉnh)

THỨ TỰ	TÊN CHỈ TIÊU	Tổng số	Hoàn thành trong hạn	Hoàn thành trễ hạn	Chưa hoàn thành trong hạn	Chưa hoàn thành trễ hạn	Tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ đúng hạn/tổng số nhiệm vụ giao	Tỷ lệ nhiệm vụ hoàn thành trễ hạn/tổng số nhiệm vụ giao	Tỷ lệ nhiệm vụ chưa hoàn thành trễ hạn/tổng số nhiệm vụ giao	Ghi chú
I	CẤP SỞ, BAN, NGÀNH									
1	Sở Công thương	53	47	0	6	0	89%	0%	0%	
2	Sở Dân tộc và Tôn giáo	21	20	0	1	0	95%	0%	0%	
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	91	46	6	39	0	51%	7%	0%	
4	Sở Khoa học và Công nghệ	84	84	0	0	0	100%	0%	0%	
5	Sở Nội vụ	50	35	0	15	0	70%	0%	0%	
6	Sở Nông nghiệp và Môi trường	169	88	17	56	8	52%	10%	5%	
7	Sở Tư pháp	47	39	1	7	0	83%	2%	0%	
8	Sở Tài chính	247	154	37	47	9	62%	15%	4%	
9	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	143	121	4	18	0	85%	3%	0%	
10	Sở Xây dựng	153	134	0	19	0	88%	0%	0%	
11	Sở Y tế	166	117	26	23	0	70%	16%	0%	
12	Thanh tra tỉnh Đắk Lắk	70	46	0	24	0	66%	0%	0%	
13	Công an tỉnh	10	7	0	2	1	70%	0%	10%	
14	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk	16	9	0	0	7	56%	0%	44%	
15	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đắk Lắk	4	2	0	2	0	50%	0%	0%	
16	Ban Quản lý Đầu tư xây dựng công trình giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk	0	0	0	0	0				Đơn vị không có báo cáo
17	Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên	5	3	0	2	0	60%	0%	0%	
18	Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên	3	0	1	2	0	0%	33%	0%	
19	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng phía Đông tỉnh (Ban C)	10	10	0	0	0	100%	0%	0%	
20	BQL ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh (Ban B)	0	0	0	0	0				Đơn vị không có báo cáo
21	Trung tâm Phát triển quỹ đất Đắk Lắk	7	7	0	0	0	100%	0%	0%	
	Tổng cộng (I)	1.349	969	92	263	25	71,8%	6,8%	1,9%	
II	CẤP XÃ, PHƯỜNG									
1	Phường Bình Kiến	26	22	1	3	0	85%	4%	0%	
2	Phường Buôn Hồ	45	37	5	3	0	82%	11%	0%	
3	Phường Buôn Ma Thuột	46	42	1	3	0	91%	2%	0%	
4	Phường Cư Bao	39	26	7	6	0	67%	18%	0%	
5	Phường Đông Hòa	45	39	4	0	2	87%	9%	4%	
6	Phường Ea Kao	63	58	2	3	0	92%	3%	0%	
7	Phường Hòa Hiệp	31	25	4	1	1	81%	13%	3%	
8	Phường Phú Yên	71	71	0	0	0	100%	0%	0%	
9	Phường Sông Cầu	67	51	16	0	0	76%	24%	0%	
10	Phường Tân An	30	26	3	1	0	87%	10%	0%	
11	Phường Tân Lập	15	15	0	0	0	100%	0%	0%	
12	Phường Thành Nhất	146	115	15	12	4	79%	10%	3%	
13	Phường Tuy Hòa	49	49	0	0	0	100%	0%	0%	
14	Phường Xuân Đài	31	31	0	0	0	100%	0%	0%	
15	Xã Buôn Đôn	223	206	11	5	1	92%	5%	0%	
16	Xã Cư M'gar	39	23	7	7	2	59%	18%	5%	
17	Xã Cư M'ta	38	33	0	5	0	87%	0%	0%	
18	Xã Cư Pong	35	10	1	22	2	29%	3%	6%	
19	Xã Cư Prao	53	36	1	10	6	68%	2%	11%	

THỨ TỰ	TÊN CHỈ TIÊU	Tổng số	Hoàn thành trong hạn	Hoàn thành trễ hạn	Chưa hoàn thành trong hạn	Chưa hoàn thành trễ hạn	Tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ đúng hạn/tổng số nhiệm vụ giao	Tỷ lệ nhiệm vụ hoàn thành trễ hạn/tổng số nhiệm vụ giao	Tỷ lệ nhiệm vụ chưa hoàn thành trễ hạn/tổng số nhiệm vụ giao	Ghi chú
20	Xã Cư Pui	34	30	1	2	1	88%	3%	3%	
21	Xã Cư Yang	19	14	5	0	0	74%	26%	0%	
22	Xã Cuôr Đăng	43	38	0	5	0	88%	0%	0%	
23	Xã Dang Kang	49	32	11	6	0	65%	22%	0%	
24	Xã Dliê Ya	27	10	1	12	4	37%	4%	15%	
25	Xã Dray Bhang	25	20	0	5	0	80%	0%	0%	
26	Xã Dur Kmăl	32	32	0	0	0	100%	0%	0%	
27	Xã Đăk Liêng	18	13	3	2	0	72%	17%	0%	
28	Xã Đăk Phoi	33	33	0	0	0	100%	0%	0%	
29	Xã Ea Bung	91	59	5	24	3	65%	5%	3%	
30	Xã Ea Drăng	65	51	3	9	2	78%	5%	3%	
31	Xã Ea Drông	56	35	9	12	0	63%	16%	0%	
32	Xã Ea Hiao	34	8	0	26	0	24%	0%	0%	
33	Xã Ea H'Leo	22	14	8	0	0	64%	36%	0%	
34	Xã Ea Kar	56	39	1	12	4	70%	2%	7%	
35	Xã Ea Khăl	41	26	0	15	0	63%	0%	0%	
36	Xã Ea Kiết	32	8	4	6	14	25%	13%	44%	
37	Xã Ea Kly	39	36	0	3	0	92%	0%	0%	
38	Xã Ea Knốp	0	0	0	0	0				Đơn vị không có báo cáo
39	Xã Ea Knuếk	35	15	0	20	0	43%	0%	0%	
40	Xã Ea Ktur	26	21	5	0	0	81%	19%	0%	
41	Xã Ea M'Droh	32	28	0	4	0	88%	0%	0%	
42	Xã Ea Na	63	40	18	5	0	63%	29%	0%	
43	Xã Ea Ning	45	41	0	3	1	91%	0%	2%	
44	Xã Ea Nuôl	77	52	0	20	5	68%	0%	6%	
45	Xã Ea Ô	26	8	8	3	7	31%	31%	27%	
46	Xã Ea Păl	15	12	0	3	0	80%	0%	0%	
47	Xã Ea Phê	14	14	0	0	0	100%	0%	0%	
48	Xã Ea Riêng	55	54	1	0	0	98%	2%	0%	
49	Xã Ea Rók	44	26	6	5	7	59%	14%	16%	
50	Xã Ea Súp	25	9	7	8	1	36%	28%	4%	
51	Xã Ea Trang	52	28	0	24	0	54%	0%	0%	
52	Xã Ea Tul	47	42	1	1	3	89%	2%	6%	
53	Xã Ea Wer	56	38	1	17	0	68%	2%	0%	
54	Xã Ea Wy	79	32	8	29	10	41%	10%	13%	
55	Xã Hòa Phú	64	45	0	18	1	70%	0%	2%	
56	Xã Hòa Sơn	14	14	0	0	0	100%	0%	0%	
57	Xã Ia Lốp	26	14	4	6	2	54%	15%	8%	
58	Xã Ia Rvê	95	66	6	23	0	69%	6%	0%	
59	Xã Krông Ana	68	50	9	7	2	74%	13%	3%	
60	Xã Krông Á	50	23	0	21	6	46%	0%	12%	
61	Xã Krông Bông	24	14	0	9	1	58%	0%	4%	
62	Xã Krông Búk	77	7	7	4	59	9%	9%	77%	
63	Xã Krông Năng	32	25	4	3	0	78%	13%	0%	
64	Xã Krông Nô	41	40	1	0	0	98%	2%	0%	
65	Xã Krông Păk	0	0	0	0	0				Đơn vị không tổng hợp số liệu lên hệ thống, file đính kèm là báo cáo quý II
66	Xã Liên Sơn Lăk	14	14	0	0	0	100%	0%	0%	
67	Xã M'Drăk	77	60	5	12	0	78%	6%	0%	
68	Xã Nam Ka	9	9	0	0	0	100%	0%	0%	
69	Xã Phú Xuân	35	18	4	13	0	51%	11%	0%	
70	Xã Pong Drang	51	34	3	11	3	67%	6%	6%	
71	Xã Quảng Phú	63	44	1	18	0	70%	2%	0%	
72	Xã Tam Giang	4	4	0	0	0	100%	0%	0%	
73	Xã Tân Tiến	92	46	46	0	0	50%	50%	0%	

THỨ TỰ	TÊN CHỈ TIÊU	Tổng số	Hoàn thành trong hạn	Hoàn thành trễ hạn	Chưa hoàn thành trong hạn	Chưa hoàn thành trễ hạn	Tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ đúng hạn/tổng số nhiệm vụ giao	Tỷ lệ nhiệm vụ hoàn thành trễ hạn/tổng số nhiệm vụ giao	Tỷ lệ nhiệm vụ chưa hoàn thành trễ hạn/tổng số nhiệm vụ giao	Ghi chú
74	Xã Vụ Bản	54	54	0	0	0	100%	0%	0%	
75	Xã Yang Mao	10	9	0	0	1	90%	0%	10%	
76	Xã Đức Bình	96	71	2	8	15	74%	2%	16%	
77	Xã Đồng Xuân	27	25	0	0	2	93%	0%	7%	
78	Xã Ea Bá	29	26	3	0	0	90%	10%	0%	
79	Xã Ea Ly	27	17	5	5	0	63%	19%	0%	
80	Xã Hòa Mỹ	34	29	1	4	0	85%	3%	0%	
81	Xã Hòa Thịnh	51	32	15	0	4	63%	29%	8%	
82	Xã Hòa Xuân	48	44	0	4	0	92%	0%	0%	
83	Xã Ô Loan	76	52	3	21	0	68%	4%	0%	
84	Xã Phú Hòa 1	53	41	5	4	3	77%	9%	6%	
85	Xã Phú Hòa 2	37	37	0	0	0	100%	0%	0%	
86	Xã Phú Mỹ	19	18	0	1	0	95%	0%	0%	
87	Xã Sơn Hòa	0	0	0	0	0				Đơn vị không có báo cáo
88	Xã Sơn Thành	27	21	1	5	0	78%	4%	0%	
89	Xã Sông Hinh	24	20	0	4	0	83%	0%	0%	
90	Xã Suối Trai	25	15	4	4	2	60%	16%	8%	
91	Xã Tây Hòa	30	26	1	3	0	87%	3%	0%	
92	Xã Tây Sơn	28	22	1	5	0	79%	4%	0%	
93	Xã Tuy An Bắc	48	47	1	0	0	98%	2%	0%	
94	Xã Tuy An Đông	39	34	0	5	0	87%	0%	0%	
95	Xã Tuy An Nam	65	60	4	1	0	92%	6%	0%	
96	Xã Tuy An Tây	61	60	0	0	1	98%	0%	2%	
97	Xã Vân Hòa	52	34	3	14	1	65%	6%	2%	
98	Xã Xuân Cảnh	54	51	3	0	0	94%	6%	0%	
99	Xã Xuân Lãnh	18	12	3	3	0	67%	17%	0%	
100	Xã Xuân Lộc	8	7	1	0	0	88%	13%	0%	
101	Xã Xuân Phước	31	26	1	2	2	84%	3%	6%	
102	Xã Xuân Thọ	40	22	5	13	0	55%	13%	0%	
	Tổng cộng (II)	4.446	3.312	336	613	185	74,5%	7,6%	4,2%	
	Tổng cộng (I+II)	5.795	4.281	428	876	210	73,9%	7,4%	3,6%	